

Biên Hòa, ngày 03 tháng 7 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật án phí và L phí2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1358/2024/TLST- VHNGĐ, ngày 28 tháng 5 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà **Trần Thị Mộng N**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: **Số B, tổ C, khu phố D, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.**

2. Ông **Phạm Đình V**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: **Số B, tổ C, khu phố D, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.**

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông bà kết hôn với nhau năm 2012, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 16/02/2012. Cuộc sống chung của vợ chồng thời gia đầu hạnh phúc. Tuy nhiên những năm trở lại đây thì không còn hạnh phúc, nguyên nhân là do vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, về lối sống, quan điểm sống không phù hợp, cuộc sống vợ chồng chỉ duy trì vì con. Chúng tôi đã vì con cố gắng hòa giải nhưng không được. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chúng tôi cùng làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa công nhận việc thuận tình ly hôn của chúng tôi.

[2]. Về con chung: Có 01 con chung là cháu **Phạm Đăng K**, sinh ngày 22/11/2014. Ly hôn, bà **N** và ông **V** thỏa thuận giao con chung cho bà **N** trực tiếp nuôi dưỡng, ông **V** không phải cấp dưỡng nuôi con chung

[3]. Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Bà **Trần Thị Mộng N** và ông **Phạm Đình V** phải chịu 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0003831 ngày 17/05/2024.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Trần Thị Mộng N** và ông **Phạm Đình V** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu **Phạm Đăng K**, sinh ngày 22/11/2014. Ly hôn, bà **N** và ông **V** thỏa thuận giao con chung cho bà **N** trực tiếp nuôi dưỡng, ông **V** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông **Phạm Đình V** được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí HNGĐ-ST: Bà **Trần Thị Mộng N** và ông **Phạm Đình V** phải chịu 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0003831 ngày 17/05/2024.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- UBND xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang (GCNKH 21 ngày 16/02/2012);
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ.

#### **THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Lê Hồng Ngọc**